

Số: 01/2014/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết về ưu tiên đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước

Căn cứ Luật công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 169/2006/QĐ-TTg ngày 17 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc đầu tư, mua sắm các sản phẩm công nghệ thông tin của các cơ quan, tổ chức sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và Quyết định số 223/2006/QĐ-TTg ngày 04 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Quyết định số 169/2006/QĐ-TTg;

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công nghệ thông tin,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định chi tiết về ưu tiên đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về:

1. Tiêu chí và Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất

trong nước được ưu tiên đầu tư, mua sắm trong các cơ quan, tổ chức nhà nước.

2. Việc ưu tiên được áp dụng trong các trường hợp đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và không nhằm mục đích thương mại, cụ thể gồm:

a) Mua sắm tài sản và mua sắm khác nhằm duy trì hoạt động thường xuyên;

b) Mua sắm, đầu tư trong các dự án đầu tư;

c) Các hoạt động khác có hạng mục đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang (sau đây gọi chung là các cơ quan, tổ chức).

2. Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp không thuộc đối tượng nêu tại Khoản 1 Điều này áp dụng các quy định trong Thông tư này khi đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ, MUA SẮM

Điều 3. Sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước được ưu tiên đầu tư, mua sắm

Sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước được ưu tiên khi đầu tư, mua sắm sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là sản phẩm, dịch vụ trong nước) là các sản phẩm, dịch vụ đáp ứng các điều kiện sau:

1. Thuộc Danh mục sản phẩm, dịch vụ trong nước (sau đây gọi tắt là Danh mục) quy định tại Điều 4 Thông tư này;

2. Đáp ứng các tiêu chí chung quy định tại Điều 5 và tiêu chí cụ thể đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Điều 4. Quy định về Danh mục sản phẩm, dịch vụ trong nước

1. Danh mục được quy định tại Phụ lục số I kèm theo Thông tư này.

2. Danh mục sẽ được cập nhật, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn phát triển.

Điều 5. Tiêu chí chung xác định sản phẩm, dịch vụ trong nước

Sản phẩm, dịch vụ trong nước có các tiêu chí chung như sau:

1. Được sản xuất tại Việt Nam, bởi doanh nghiệp mà trong đó các pháp nhân và thể nhân Việt Nam nắm quyền kiểm soát chi phối và nắm giữ cổ phần chi phối (đối với công ty cổ phần) hoặc nắm giữ phần vốn góp chi phối (đối với các loại hình doanh nghiệp khác);

2. Đã được đăng ký thương hiệu và được bảo hộ theo quy định của pháp luật Việt Nam, hoặc đã đăng ký và hoàn tất các yêu cầu, điều kiện để cung cấp sản phẩm, dịch vụ (nếu có) theo quy định của pháp luật Việt Nam;

3. Có tài liệu kỹ thuật hoặc tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt;

4. Có thông báo rõ ràng các điều khoản cam kết về bảo hành, trách nhiệm của nhà cung cấp, chính sách hậu mãi và chính sách liên quan khác.

Điều 6. Tiêu chí cụ thể xác định sản phẩm, dịch vụ trong nước

Sản phẩm, dịch vụ trong nước có các tiêu chí cụ thể như sau:

1. Đối với sản phẩm phần cứng, điện tử:

a) Doanh thu từ sản phẩm phải đạt tối thiểu 10 tỷ đồng/01 năm trong 02 năm liên tiếp gần nhất, hoặc có tối thiểu 05 cơ quan nhà nước, hoặc 10 tổ chức, doanh nghiệp hoặc 500 cá nhân đã và đang sử dụng sản phẩm;

b) Chi phí sản xuất trong nước của sản phẩm chiếm tỉ lệ từ 20% trở lên trong tổng chi phí sản xuất ra sản phẩm đó, hoặc có tối thiểu 50 lao động Việt Nam có chuyên môn về phần cứng, điện tử đang làm việc ổn định từ 01 năm trở lên, bao gồm các cán bộ nghiên cứu và phát triển sản phẩm (R&D), kiểm tra chất lượng, kỹ sư và công nhân trực tiếp sản xuất về phần cứng, điện tử;

c) Sản phẩm đã công bố phù hợp với Tiêu chuẩn Quốc gia và đã được chứng nhận và công bố hợp quy đối với sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải chứng nhận và công bố hợp quy hoặc sản phẩm đã được công bố hợp quy đối với sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải công bố hợp quy;

d) Sản phẩm được sản xuất bởi tổ chức, doanh nghiệp đạt ít nhất một trong các chuẩn quản lý chất lượng, môi trường cho hoạt động sản xuất phần cứng, điện tử sau: TCVN ISO 9001:2008; TCVN ISO 14001:2004; TCVN ISO

17025:2005, hoặc tương đương.

2. Đối với sản phẩm phần mềm:

a) Doanh thu từ sản phẩm phải đạt tối thiểu 500 triệu đồng/01 năm trong 02 năm liên tiếp gần nhất, hoặc có tối thiểu 02 cơ quan nhà nước, hoặc 05 tổ chức, doanh nghiệp, hoặc 500 cá nhân đã và đang sử dụng sản phẩm;

b) Các chức năng, tính năng kỹ thuật phù hợp với các yêu cầu nghiệp vụ hoặc quy định, hướng dẫn tương ứng về ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước (nếu có), hoặc sản phẩm được phát triển từ phần mềm nguồn mở, tuân thủ chuẩn mở;

c) Chi phí sản xuất trong nước của sản phẩm chiếm tỉ lệ từ 30% trở lên trong tổng chi phí sản xuất ra sản phẩm đó, hoặc có tối thiểu 20 lao động Việt Nam có chuyên môn về phần mềm đang làm việc ổn định từ 01 năm trở lên, bao gồm các cán bộ nghiên cứu và phát triển (R&D), kiểm tra đảm bảo chất lượng, kỹ sư và lập trình viên;

d) Sản phẩm phải được sản xuất bởi tổ chức, doanh nghiệp đạt chứng chỉ cho hoạt động sản xuất phần mềm theo chuẩn CMMI mức 3 trở lên, hoặc TCVN ISO 9001:2008, hoặc sản phẩm có điểm mô hình độ chín nguồn mở (OSMM) từ 60 điểm trở lên, hoặc mô hình điểm ngưỡng thất bại (PoF) từ 50 điểm trở xuống.

3. Đối với sản phẩm nội dung thông tin số:

a) Sản phẩm phải tuân thủ pháp luật về cung cấp, sử dụng nội dung, thông tin trên mạng (nếu là sản phẩm được cung cấp qua mạng);

b) Doanh thu từ sản phẩm phải đạt tối thiểu 2 tỷ đồng/01 năm trong 02 năm liên tiếp gần nhất, hoặc có tối thiểu 20 tổ chức, doanh nghiệp, hoặc tối thiểu 500 cá nhân đã và đang sử dụng sản phẩm;

c) Chi phí sản xuất trong nước của sản phẩm chiếm tỉ lệ từ 30% trở lên trong tổng chi phí sản xuất ra sản phẩm đó, hoặc có tối thiểu 20 lao động Việt Nam có chuyên môn về phần mềm hoặc nội dung số đang làm việc ổn định từ 01 năm trở lên, bao gồm các cán bộ nghiên cứu và phát triển (R&D), kiểm tra đảm bảo chất lượng, kỹ sư và lập trình viên.

4. Đối với dịch vụ công nghệ thông tin:

a) Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ phải đạt tối thiểu 2 tỷ đồng/01 năm trong 02 năm liên tiếp gần nhất, hoặc có tối thiểu 05 tổ chức, doanh nghiệp đã và đang sử dụng dịch vụ;

b) Được cung cấp bởi tổ chức, doanh nghiệp có hệ thống quản lý chất

lượng dịch vụ theo tiêu chuẩn ISO, ưu tiên các tổ chức, doanh nghiệp đạt chuẩn TCVN ISO 27001;

c) Đối với các dịch vụ có liên quan đến các dữ liệu của khách hàng, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phải có các biện pháp đảm bảo an toàn, bí mật thông tin, dữ liệu của khách hàng.

Điều 7. Công bố sản phẩm, dịch vụ trong nước

1. Đối với các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin đạt tiêu chí chung quy định tại Điều 5 và tiêu chí cụ thể đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ quy định tại Điều 6 Thông tư này, tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm:

a) Công bố sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin đạt các tiêu chí được ưu tiên đầu tư, mua sắm theo mẫu tại Phụ lục số II kèm theo Thông tư này trên phương tiện thông tin đại chúng và trang thông tin điện tử của mình (nếu có), đồng thời chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin liên quan đến sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin đã công bố;

b) Thông báo thông tin liên quan đến sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin đã công bố tới Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Công nghệ thông tin – 18 Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội) theo mẫu tại Phụ lục số III kèm theo Thông tư này;

c) Công bố bổ sung hoặc thay đổi thông tin về sản phẩm, dịch vụ khi có sự thay đổi về sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin đã công bố trên phương tiện thông tin đại chúng và trang thông tin điện tử của mình và thông báo về Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Công nghệ thông tin) theo mẫu tại Phụ lục số IV kèm theo Thông tư này;

d) Trong trường hợp ngừng cung cấp hoặc ngừng hỗ trợ đối với sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin đã công bố, tổ chức, doanh nghiệp phải thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của mình (nếu có) và thông báo tới Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Công nghệ thông tin) theo mẫu tại Phụ lục số V kèm theo Thông tư này;

đ) Đảm bảo chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin như thông tin đã công bố.

2. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo của tổ chức, doanh nghiệp (gửi theo mẫu tại Phụ lục số III hoặc Phụ lục số IV hoặc Phụ lục số V kèm theo Thông tư này), Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Xem xét, đăng tải thông tin về sản phẩm, dịch vụ của tổ chức, doanh nghiệp lên cổng thông tin điện tử tại địa chỉ www.mic.gov.vn để các cơ quan, tổ chức tham khảo khi đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin;

b) Tổ chức kiểm tra sự đáp ứng về tiêu chí của sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin đã được các tổ chức, doanh nghiệp công bố (trong trường hợp cần thiết) và đăng tải kết quả kiểm tra lên cổng thông tin điện tử tại địa chỉ www.mic.gov.vn.

3. Khuyến khích các đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khảo sát, đánh giá và công bố các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin đạt tiêu chí được ưu tiên đầu tư, mua sắm trong lĩnh vực, trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý.

Chương III

QUY ĐỊNH ƯU TIÊN VỀ ĐẦU TƯ, MUA SẮM SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Điều 8. Quy định ưu tiên về đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin

1. Chủ đầu tư, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức chủ trì đầu tư, mua sắm (sau đây gọi chung là Chủ đầu tư) khi sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc vốn có nguồn gốc ngân sách nhà nước để đầu tư, mua sắm, thực hiện các dự án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, phải ưu tiên đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ trong nước được quy định tại Điều 3 của Thông tư này.

2. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

a) Không đưa ra các yêu cầu, điều kiện, tính năng có thể dẫn tới việc loại bỏ các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước trong thiết kế sơ bộ, thiết kế thi công, kế hoạch đấu thầu, kế hoạch đầu tư, hồ sơ mời thầu, yêu cầu chào hàng, yêu cầu báo giá, hay các yêu cầu mua sắm khác;

b) Có phương án cộng điểm ưu tiên trong bảng đánh giá, chấm điểm để ưu tiên cho nhà thầu, đơn vị cung cấp chào các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu;

c) Thể hiện rõ trong hồ sơ mời thầu, yêu cầu báo giá hoặc các văn bản tương tự khác các tiêu chí cụ thể để ưu tiên các sản phẩm, dịch vụ trong nước quy định tại Điều 3 Thông tư này;

d) Xem xét các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin đã được tổ chức, doanh nghiệp công bố theo quy định tại Điều 7 để quyết định lựa chọn sản phẩm, dịch vụ phù hợp, đúng quy định tại Thông tư này.

3. Trong trường hợp sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin cần đầu tư, mua sắm có trong Danh mục quy định tại Phụ lục số I kèm theo Thông tư này, nhưng do yêu cầu kỹ thuật đặc thù của dự án, Chủ đầu tư không đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ trong nước thì phải lập hồ sơ giải trình và thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

Điều 9. Thẩm định, phê duyệt khi không đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ trong nước

1. Quy trình thẩm định:

a) Chủ đầu tư lập hồ sơ giải trình gửi xin ý kiến chuyên môn của đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin thuộc Bộ, ngành hoặc địa phương mình. Trong trường hợp Chủ đầu tư cũng chính là đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin thì phải lập một Tổ tư vấn độc lập để xem xét, cho ý kiến đề xuất đầu tư, mua sắm. Tổ tư vấn độc lập do cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm quyết định thành lập và phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau: Có tối thiểu 03 thành viên; các thành viên Tổ tư vấn độc lập không thuộc đơn vị Chủ đầu tư; có năng lực, kinh nghiệm phù hợp;

b) Nội dung văn bản góp ý kiến chuyên môn: Xem xét, đánh giá hồ sơ giải trình của Chủ đầu tư, phân tích mục đích sử dụng để xác định yêu cầu của sản phẩm, dịch vụ cần đầu tư, mua sắm; đánh giá khả năng đáp ứng của sản phẩm, dịch vụ trong nước so với yêu cầu của sản phẩm, dịch vụ cần đầu tư, mua sắm; xác định tính xác đáng của việc không đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ trong nước và nêu rõ ý kiến kết luận đối với đề nghị của Chủ đầu tư;

c) Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ giải trình hợp lệ, đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin hoặc Tổ tư vấn độc lập phải có văn bản góp ý kiến chuyên môn gửi cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm và Chủ đầu tư;

d) Trên cơ sở văn bản góp ý kiến chuyên môn, Chủ đầu tư trình hồ sơ giải trình lên cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm để xin phê duyệt việc không đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ trong nước và chịu trách nhiệm về tính xác thực của các tài liệu và các phân tích, lập luận trong hồ sơ giải trình;

đ) Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ giải trình của Chủ đầu tư, Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm

giao cho cơ quan chức năng tiến hành thẩm định để có căn cứ phê duyệt việc không đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ trong nước và chịu trách nhiệm trực tiếp về quyết định của mình.

2. Hồ sơ giải trình bao gồm:

a) Giải trình mục đích của việc đầu tư sản phẩm, dịch vụ và yêu cầu đặc thù của công việc mà sản phẩm, dịch vụ trong nước không đáp ứng được;

b) Tài liệu mô tả yêu cầu về chức năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm, dịch vụ cần đầu tư, mua sắm đáp ứng yêu cầu của dự án;

c) Tài liệu chứng minh rằng các yêu cầu đặc thù về chức năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm, dịch vụ trong nước không đáp ứng được các yêu cầu về chức năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm, dịch vụ cần đầu tư, mua sắm;

d) Văn bản góp ý kiến chuyên môn của đơn vị chuyên trách hoặc Tổ tư vấn độc lập và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

1. Vụ Công nghệ thông tin có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức hướng dẫn thực hiện Thông tư này;

b) Tổ chức đánh giá sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin, trình Bộ trưởng xem xét, cập nhật, bổ sung Danh mục;

c) Tổng hợp tình hình thực hiện các quy định tại Thông tư này để trình Bộ trưởng báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Các đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Tổ chức hướng dẫn, phổ biến, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, ngành hoặc địa phương mình các nội dung của Thông tư này để quán triệt thực hiện;

b) Đưa ra ý kiến chuyên môn bằng văn bản và chịu trách nhiệm về ý kiến chuyên môn của mình khi góp ý cho các dự án đầu tư, kế hoạch đầu tư, mua sắm các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin dùng nguồn vốn ngân sách nhà nước

của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, ngành hoặc địa phương mình;

c) Yêu cầu các Chủ đầu tư thuộc Bộ, ngành hoặc địa phương mình gửi báo cáo cho đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin về tình hình thực hiện các quy định tại Thông tư này. Tổng hợp và gửi báo cáo theo mẫu tại Phụ lục số VI kèm theo Thông tư này về Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Công nghệ thông tin) trước ngày 31 tháng 3 hàng năm để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

d) Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, đơn vị có chức năng thanh tra thuộc Bộ, ngành định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định về ưu tiên đầu tư, mua sắm các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin dùng nguồn vốn ngân sách nhà nước tại địa phương hoặc Bộ, ngành mình.

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trong trường hợp việc đầu tư, mua sắm đã được thẩm định, phê duyệt và triển khai trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì việc đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước tiếp tục thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 42/2009/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về ưu tiên đầu tư, mua sắm các sản phẩm công nghệ thông tin sản xuất trong nước bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

2. Trong trường hợp việc đầu tư, mua sắm đã được thẩm định, phê duyệt nhưng chưa triển khai trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì việc đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước thực hiện theo các quy định tại Thông tư này.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2014.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 42/2009/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về ưu tiên đầu tư, mua sắm các sản phẩm công nghệ thông tin sản xuất trong nước bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Công nghệ thông tin) để kịp thời giải quyết.

4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Công nghệ thông tin, Giám đốc Sở

Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các PTTgCP;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Kho bạc Nhà nước;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Đơn vị chuyên trách CNTT các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Sở TT&TT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Ủy ban Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin;
- Ban Chỉ đạo CNTT cơ quan Đảng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ TT&TT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cổng thông tin điện tử của Bộ;
- Lưu: VT, CNTT (5).

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Bắc Sơn

